

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 17- 12 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Thịnh.

2. Bà Phan Thị Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 311/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Hoà M, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 13, thôn Láng Cát, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Thanh S, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 13, thôn Láng Cát, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đoàn Thị Hoà M trình bày:

Bà M và ông Hoàng Thanh S tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 28-8-2012. Vợ chồng có một con chung là Hoàng Phương T, sinh ngày 04-10-2013.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Từ năm 2019, bà và ông S thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống do ông S không tin tưởng bà, luôn hỏi bà về thu nhập và thời gian làm việc. Do mâu thuẫn kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân, ông S làm bảo vệ và sinh sống tại tập thể trường THPT T, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; bà và con thuê nhà trọ sinh sống. Từ khi ly thân, ông S có thăm và chu cấp cho con. Vợ chồng có gặp nhau nhưng bà không muốn đoàn tụ. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung nên yêu cầu Toà giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu giải quyết cho bà ly hôn với ông S.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Bà yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng), trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng - yêu cầu ông S cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện tại, bà làm công việc môi giới nhà đất, thời gian làm việc tự do, thu nhập mỗi tháng khoảng từ 10 đến 15.000.000đ/tháng. Bà có 01 con riêng sinh năm 2004.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập bị đơn ông Hoàng Thanh S nhưng ông S vắng mặt và gửi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà M tại bản tự khai ngày 04-11-2021 như sau:

Ông S có kết hôn với bà M, trong thời gian chung sống thì vợ chồng không hợp nhau nên ông đồng ý ly hôn. Ông S đồng ý giao con chung Hoàng Phương T cho bà M trực tiếp nuôi, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt, vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông S là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà M và ông S. Về con chung: Giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi, ông S cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí hôn nhân và gia

đình sơ thẩm: Bà M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông S phải chịu án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Đoàn Thị Hoà M khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Hoàng Thanh S nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Phú Mỹ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt là phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của bà M, Giấy chứng nhận kết hôn số 82 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 8 năm 2012 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để xác định: Bà Đoàn Thị Hoà M và ông Hoàng Thanh S tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp. Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của bà M trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân nên Hội đồng xét xử xác định giữa bà M và ông S có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập ông S để làm việc, hòa giải nhưng ông S vắng mặt và cũng không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa, mặc dù được Hội đồng xét xử động viên đoàn tụ gia đình nhưng bà M cương quyết yêu cầu ly hôn. Tại bản tự khai ngày 04-11-2021, ông S cũng đồng ý ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà M, ông S là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà M yêu cầu và ông S nhất trí ly hôn, nghĩ nên áp dụng Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà M và ông S.

[2.2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 298 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 29 tháng 10 năm 2013, có cơ sở để xác định: Bà M và ông S có một con chung là Hoàng Phương T, sinh ngày 04-10-2013. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà M: Lời khai của bà M xác định từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay,

cháu Trinh sống ổn định với mẹ, bà M hiện có việc làm, có thu nhập, bản thân cháu là con gái, cần sự chăm sóc, gần gũi của người mẹ; cháu Trinh cũng có nguyện vọng sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Bản thân ông S cũng đồng ý cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, giao con cho bà M trực tiếp nuôi (BL26); Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của bà M và ông S - giao cháu Hoàng Phương T cho bà M trực tiếp nuôi, ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu nên xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông S phải chịu án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đoàn Thị Hoà M đối với ông Hoàng Thanh S.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Giao cháu Hoàng Phương T, sinh ngày 04-10-2013 cho bà Đoàn Thị Hoà M trực tiếp nuôi, ông Hoàng Thanh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Phương T số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Trinh đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án; nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền nói trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Bà Đoàn Thị Hoà M chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 5501 ngày 14-10-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Bà Đoàn Thị Hoà M đã nộp xong án phí. Ông Hoàng Thanh S phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17-12-2021), nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Nơi ĐKKH: UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Thị Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Thường